TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1216/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19/7/2023
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Ph

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Nhanh

2/ Bà Nguyễn Thị Nở

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2947/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hà Hoàng T, sinh năm 1962
Địa chỉ: Unit 9 43-45 Hill Street, Cabramatta, NSW 2166, Úc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (để nhận giấy tờ liên quan đến vụ án, bản án, quyết định của Tòa án): Bà Đỗ Thị Bích Ph, sinh năm 1998; địa chỉ: phường T, Quận G, Thành phố H, theo giấy ủy quyền ngày 12/5/2023 được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Sydney - Úc chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự số SYD-23/GUQ/05.12/02, quyển số 05/2023 ngày 12/5/2023.

- *Bị đơn:* Bà Đặng Thị Kim S, sinh năm 1974
Địa chỉ: Hoàng Hoa Thám, quận B, Thành phố H.

(Các đương sự vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai ngày 12/5/2023 được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Sydney - Úc chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự số SYD-23/XNCK 12/05/2023-03 ngày 12/5/2023 nguyên đơn ông Hà Hoàng T trình bày như sau:

Ông và bà Đặng Thị Kim S kết hôn vào năm 2005, theo giấy chứng nhận kết hôn số 62, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân Phường 7, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/7/2005.

Sau khi kết hôn, hai bên chung sống hạnh phúc một thời gian, sau đó thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cách sống và không tìm được tiếng nói chung. Hai bên không tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Ông và bà Đặng Thị Kim S đã nhiều lần tự hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, qua một thời gian nói chuyện thì hai bên đã thống nhất ly hôn. Hiện nay ông đang sinh sống tại Úc, bà S đang sinh sống tại Việt Nam nên việc đoàn tụ là không thực hiện được nên ông có yêu cầu được ly hôn với bà Đặng Thị Kim S.

Về con chung: Ông và bà Đặng Thị Kim S có 01 con chung tên Hà Gia Thụy (nữ), sinh ngày 13/3/2008, hiện nay đang sinh sống với mẹ tại Việt Nam, sau khi ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận

Về nợ chung: Không có

Bị đơn bà Đặng Thị Kim S trình bày:

Bà và ông Hà Hoàng T kết hôn vào năm 2005, theo giấy chứng nhận kết hôn số 62, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân Phường 7, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/7/2005.

Về quá trình chung sống và mâu thuẫn bà thống nhất như trình bày của ông Hà Hoàng T. Hiện nay ông Hà Hoàng T đang yêu cầu ly hôn với bà tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên đối với yêu cầu của ông Hà Hoàng T bà có ý kiến như sau:

Về con chung: Bà và ông Hà Hoàng T có 01 con chung tên Hà Gia Thụy (nữ), sinh ngày 13/3/2008, hiện nay đang sinh sống với bà tại Việt Nam, sau khi ly bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Trẻ Hà Gia Thụy cũng có bản tự khai mong muốn được ở với mẹ để ổn định việc học và sinh hoạt.

Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận

Về nợ chung: Không có

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn ông Hà Hoàng T, bị đơn bà Đặng Thị Kim S đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án :

Nguyên đơn ông Hà Hoàng T đang cư trú tại Australia có đơn xin ly hôn với bị đơn bà Đặng Thị Kim S đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm

a khoản 1 Điều 37 ; Điều 38 ; Điều 40; Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 123 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bên tham gia phiên tòa, nguyên đơn ông Hà Hoàng T, bị đơn bà Đặng Thị Kim S đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn ông Hà Hoàng T, bị đơn bà Đặng Thị Kim S có đăng ký kết hôn vào năm 2005, theo giấy chứng nhận kết hôn số 62, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân Phường 7, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/7/2005, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo ông Hà Hoàng T và bà Đặng Thị Kim S trình bày: Sau khi kết hôn, hai bên chung sống hạnh phúc một thời gian, sau đó thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cách sống và không tìm được tiếng nói chung, không tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hai bên đã nhiều lần tự hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, qua một thời gian nói chuyện thì hai bên đã thống nhất ly hôn. Hiện nay, hai bên đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến đời sống của ai dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, việc hàn gắn là không thể thực hiện được.

Ông Hà Hoàng T nhận thấy không còn tình cảm với bà Đặng Thị Kim S, hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống. Về phía bà Đặng Thị Kim S có bản tự khai đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Hà Hoàng T.

Xét thấy, vợ chồng có quyền, nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, xây dựng gia đình hạnh phúc, đây cũng là mục đích của hôn nhân. Do điều kiện khách quan nên thực tế vợ chồng bà Đặng Thị Kim S, ông Hà Hoàng T đã không còn chung sống dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng kéo dài, tình cảm phai nhạt, cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Hà Hoàng T xin ly hôn và bà Đặng Thị Kim S đồng ý thuận tình ly hôn là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Ông Hà Hoàng T và bà Đặng Thị Kim S cùng xác định có 01 con chung tên Hà Gia Thụy (nữ), sinh ngày 13/3/2008 hiện nay đang chung sống với bà S tại Việt Nam. Sau khi ly hôn cả hai bên thống nhất giao con chung cho bà Đặng Thị Kim S trực tiếp nuôi dưỡng. Trẻ Hà Gia Thụy có bản tự khai ngày 15/6/2023 trình bày nguyện vọng nếu cha mẹ ly hôn thì mong muốn được sống chung với mẹ là bà Đặng Thị Kim S. Xét thấy việc thỏa thuận này là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về nợ chung: Hai bên xác định không có, nên không xét.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Ông Hà Hoàng T và bà Đặng Thị Kim S được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 40; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 ; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 122; Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016.UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ luật Thi hành án dân sự 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Hoàng T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà Hoàng T và bà Đặng Thị Kim S thuận tình ly hôn.

- Về con chung : Giao con chung tên Hà Gia Thụy (nữ), sinh ngày 13/3/2008 cho bà Đặng Thị Kim S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Hà Hoàng T phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền ông Hà Hoàng T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2022/0004748 ngày 26/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Hà Hoàng T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà Đặng Thị Kim S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Ông Hà Hoàng T được quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- UBND Phường 7, quận Bình Thạnh;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Ph